

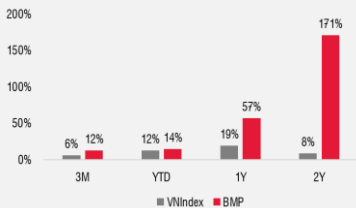
## Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (BMP: HOSE)

**Ngày báo cáo:** 17/05/2024  
**NGÀNH:** NHỰA  
**CVPT:** Hoàng Anh Tuấn  
**Email:** [tuanha2@ssi.com.vn](mailto:tuanha2@ssi.com.vn)  
**SĐT:** +84-28 3636 3688 ext. 3089

**Khuyến nghị:** **TRUNG LẬP**  
**Giá mục tiêu 1Y:** **115.900 Đồng**  
**Giá CP ngày 17/05/2024:** 112.800 Đồng  
**% Tăng giá:** **+2,7%**

**Giá trị vốn hoá (triệu USD):** 375  
**Giá trị vốn hoá (tỷ VND):** 9.520  
**Số cổ phiếu lưu hành (triệu):** 82  
**KLGD trung bình 3 tháng (cp):** 287.76  
**Giá cao/thấp nhất 52T (1000 Đ):** 120,3/69,3  
**GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng):** 32,4  
**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%):** 84,3  
**Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):** 0

### Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

### Thông tin cơ bản về công ty

Thành lập vào năm 1977, BMP là nhà sản xuất ống nhựa dẫn đầu ở miền Nam Việt Nam với 50% thị phần trong khu vực và 28% trên cả nước. Công ty niêm yết tại HOSE kể từ năm 2006 với vốn điều lệ là 107 tỷ đồng, tăng lên 455 tỷ đồng vào năm 2013 và 819 tỷ đồng vào năm 2017. Công ty chủ yếu hoạt động tại thị trường miền Nam và có chi nhánh tại miền Bắc.

## Duy trì cổ tức tiền mặt cao

**Luận điểm đầu tư:** Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu BMP. Chúng tôi áp dụng hệ số P/E mục tiêu không đổi là 10x, vì công ty duy trì mức chi trả cổ tức bằng tiền mặt cao và lợi nhuận cao. Chúng tôi nâng giá mục tiêu đối với BMP lên **115.900 đồng/cổ phiếu**, khi chuyển cơ sở định giá đến giữa năm 2025, tương ứng tiềm năng tăng giá là 2% (tổng mức sinh lời là 12%, bao gồm tỷ suất cổ tức 10%).

- KQKD Q1/2024:** Doanh thu thuần và LNST lần lượt đạt 1 nghìn tỷ đồng (-30% svck, -31% so với quý trước) và 190 tỷ đồng (-32% svck, -26% so với quý trước), kết quả này phù hợp với ước tính của chúng tôi. KQKD Q1/2024 hoàn thành khoảng 19% doanh thu thuần và 21% LNST so với dự báo hiện tại của chúng tôi. Chúng tôi ước tính sản lượng tiêu thụ giảm 30% svck trong Q1/2024, với giá bán bình quân đi ngang so với cùng kỳ do dịp nghỉ Tết và hoạt động xây dựng vẫn yếu trong Q1/2024. Chúng tôi lưu ý doanh thu của NTP giảm 27% svck trong Q1/2024 và BMP ước tính vẫn duy trì được thị phần trong năm 2023.
- Kế hoạch:** Công ty đặt kế hoạch doanh thu thuần đạt 5,5 nghìn tỷ đồng (+7% svck) và LNST đạt 1 nghìn tỷ đồng (-1% svck).
- Ước tính lợi nhuận:** Trong năm 2024, chúng tôi ước tính doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 5,2 nghìn tỷ đồng (+1% svck) và 915 tỷ đồng (-12% svck). Cho năm 2025, chúng tôi ước tính doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 5,4 nghìn tỷ đồng (+5% svck) và 1 nghìn tỷ đồng (+10% svck).
- Quan điểm ngắn hạn:** Trong môi trường lãi suất thấp, chúng tôi kỳ vọng tỷ suất cổ tức bằng tiền mặt cao (10%) sẽ hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong ngắn hạn. Trong Q2/2024, chúng tôi ước tính kết quả kinh doanh sẽ phục hồi so với quý trước (nhưng vẫn thấp hơn so với cùng kỳ) khi BMP ưu tiên lợi nhuận hơn là doanh thu.
- Rủi ro giảm giá:** Giá đầu vào nhựa PVC cao hơn dự kiến và sản lượng tiêu thụ thấp hơn dự kiến.

	2021	2022	2023	2024F	2025F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	4.553	5.808	5.157	5.188	5.448
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	214	696	1.041	915	1.004
Tăng trưởng LNR (% YoY)	-59,0%	224,8%	49,5%	-12,1%	9,6%
EPS (VND)	2.619	8.505	12.717	11.182	12.261
ROE (%)	9,0%	28,3%	39,2%	33,9%	35,9%
Tỷ suất cổ tức (%)	5,8%	9,5%	11,3%	9,8%	9,8%
Ng/VCSH (%)	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02
P/E (x)	22,87	7,05	8,2	10,37	9,46
P/B (x)	2,14	1,87	3,17	3,51	3,29
EV/EBITDA (x)	8,65	3,49	4,45	4,14	4,21

Nguồn: BMP, SSI Research

## CẬP NHẬT KQKD Q1/2024 VÀ ĐHCĐ NĂM 2024

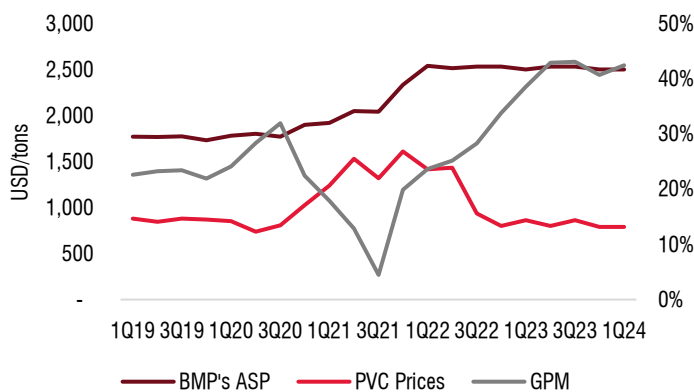
Tỷ đồng	1Q24	1Q23	YoY	4Q23	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							1Q24	1Q23	4Q23	2023
Doanh thu thuần	1.003	1.440	-30,4%	1.454	-31,1%	81%				
Lợi nhuận gộp	425	555	-23,4%	591	-28,0%		42,4%	38,5%	40,6%	41,0%
Lợi nhuận hoạt động	237	350	-32,5%	315	-25,0%		23,6%	24,3%	21,7%	25,3%
EBIT	237	351	-32,4%	319	-25,6%		23,7%	24,4%	21,9%	25,3%
EBITDA	267	395	-32,3%	365	-26,8%		26,6%	27,4%	25,1%	28,7%
Lợi nhuận trước thuế	237	351	-32,4%	319	-25,6%		23,7%	24,4%	21,9%	25,3%
Lợi nhuận ròng	190	281	-32,4%	257	-26,1%	160%	18,9%	19,5%	17,7%	20,2%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	190	281	-32,4%	257	-26,1%		18,9%	19,5%	17,7%	20,2%

Nguồn: BMP, SSI Research

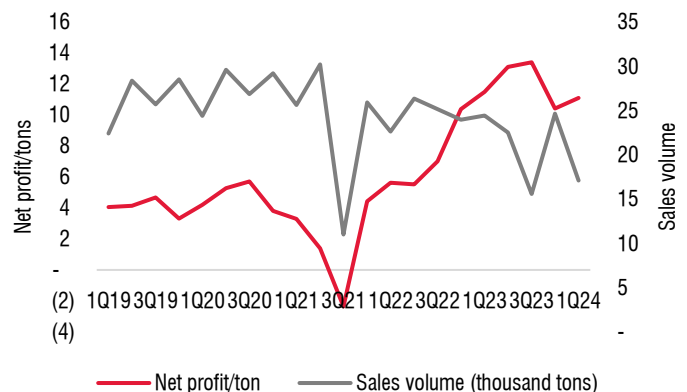
**KQKD Q1/2024 giảm do sản lượng tiêu thụ yếu, mặc dù biên lợi nhuận gộp cải thiện:** Doanh thu thuần và LNST lần lượt đạt 1 nghìn tỷ đồng (-30% svck, -31% so với quý trước) và 190 tỷ đồng (-32% svck, -26% so với quý trước), kết quả này phù hợp với ước tính của chúng tôi. KQKD Q1/2024 hoàn thành khoảng 19% doanh thu thuần và 21% LNST so với dự báo hiện tại của chúng tôi. Chúng tôi ước tính sản lượng tiêu thụ giảm 30% svck trong Q1/2024, với giá bán bình quân đi ngang so với cùng kỳ do dịp nghỉ Tết và hoạt động xây dựng vẫn yếu trong Q1/2024. Chúng tôi lưu ý doanh thu của NTP giảm 27% svck trong Q1/2024 và BMP ước tính vẫn duy trì được thị phần trong năm 2023.

Biên lợi nhuận gộp tăng lên mức 42,4% trong Q1/2024, so với mức 38,5% trong Q1/2023 và 40,6% trong Q4/2023, nhờ giá đầu vào PVC giảm so với cùng kỳ (-10% svck). Biên chi phí bán hàng được duy trì ở mức 15% trong Q1/2024, so với 11% trong Q1/2023 và 15% trong Q4/2023. BMP kỳ vọng PVC sẽ duy trì ở mức thấp này trong suốt năm 2024.

BMP: Giá PVC đầu vào so với giá bán bình quân & Biên LN gộp



BMP: Sản lượng tiêu thụ & lợi nhuận/tấn



Nguồn: Dữ liệu công ty, SSI Research

**Điểm nhấn tại ĐHCĐ:** Công ty đặt kế hoạch doanh thu thuần đạt 5,5 nghìn tỷ đồng (+7% svck) và LNST đạt 1,0 nghìn tỷ đồng (-1% svck). Kế hoạch đầu tư cho năm 2024 sẽ là 141 tỷ đồng dùng để duy trì, nâng cấp tự động hóa các nhà máy hiện tại. Về cổ tức, Công ty duy trì tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt là 99% của LNST,

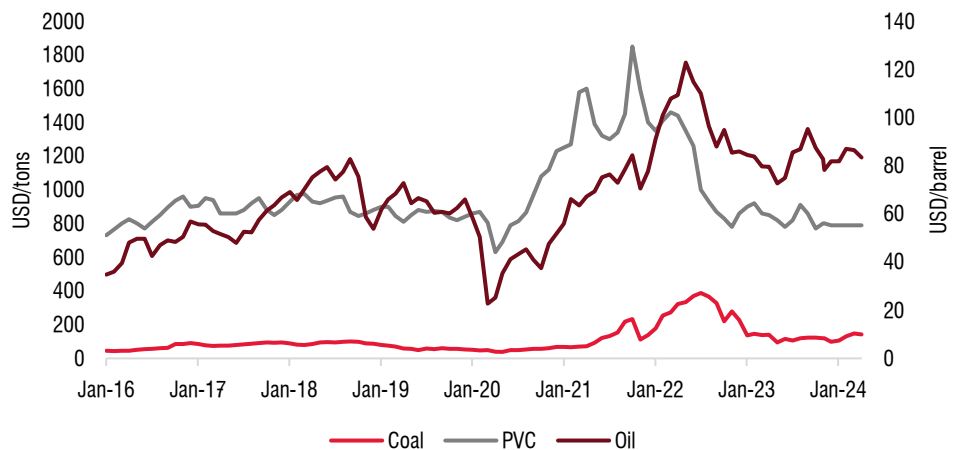
tương đương 12.600 đồng/cổ phiếu. Cổ tức bằng tiền mặt còn lại là 6.100 đồng/cổ phiếu sẽ được chi trả vào tháng 6/2024 (ngày đăng ký cuối cùng là 20/5/2024). Ban lãnh đạo kỳ vọng sản lượng tiêu thụ sẽ phục hồi từ nửa cuối năm 2024 và công ty đã ghi nhận sản lượng tiêu thụ phục hồi tích cực vào tháng 4/2024.

### Ước tính lợi nhuận

Trong năm 2024, chúng tôi ước tính doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 5,2 nghìn tỷ đồng (+1% svck) và 915 tỷ đồng (-12% svck), với lợi nhuận ròng/tấn đạt 10 triệu đồng (-16% svck). Chúng tôi ước tính sản lượng tiêu thụ sẽ đạt 91 nghìn tấn (+5% svck) và giá bán trung bình giảm 4% svck khi chúng tôi kỳ vọng sản lượng tiêu thụ sẽ phục hồi từ nửa cuối năm 2024. Công ty dự kiến sẽ triển khai chương trình ưu đãi giá bán cho các đại lý phân phối khoảng 1-2 tháng trong năm, nhằm thúc đẩy doanh thu trong thời gian sản lượng tiêu thụ yếu. Chúng tôi ước tính PVC sẽ duy trì ở mức thấp trong suốt năm 2024, với giá PVC Châu Á duy trì ở mức 790 USD/tấn (đi ngang so với quý trước). Do đó, chúng tôi giả định biên lợi nhuận gộp sẽ đạt 38,8% trong năm 2024. Do mức lợi nhuận cao trong năm 2023-2024, chúng tôi kỳ vọng công ty sẽ duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt cao, với tỷ suất cổ tức là 10%.

Trong năm 2025, chúng tôi dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 5,4 nghìn tỷ đồng (+5% svck) và 1 nghìn tỷ đồng (+10% svck). Chúng tôi giả định sản lượng tiêu thụ đạt 96 nghìn tấn (+5% svck) và giá bán bình quân đi ngang so với cùng kỳ. Giá sản phẩm cao hơn so với đối thủ cạnh tranh có thể sẽ tiếp tục được duy trì mặc dù chúng tôi cho rằng chiến lược này khó duy trì. Chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận gộp sẽ đạt mức 39,3% trong năm 2025.

### Giá PVC so với giá nguyên liệu đầu vào



Nguồn: Bloomberg, SSI Research

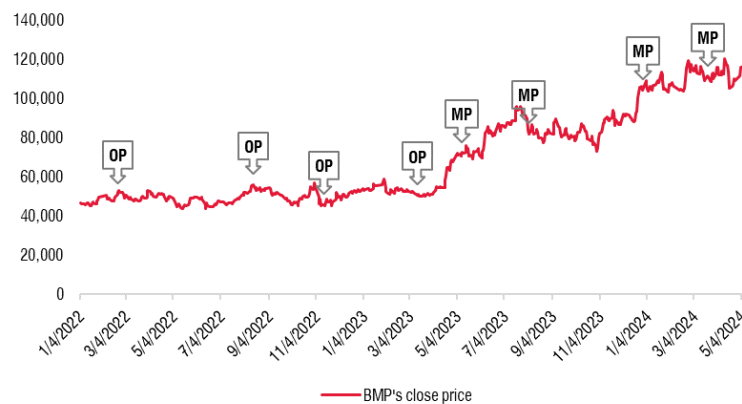
## Định giá và luận điểm đầu tư

BMP is trading at 10x and 9x for 2024F and 2025F, respectively (average 10-year P/E of 9.6x). We apply a

BMP hiện đang giao dịch ở mức P/E 2024F và 2025F lần lượt là 10x và 9x (so với mức P/E bình quân 10 năm là 9,6x). Chúng tôi áp dụng hệ số P/E mục tiêu không đổi là 10x, vì công ty duy trì mức chi trả cổ tức bằng tiền mặt cao và lợi nhuận cao. Chúng tôi nâng giá mục tiêu đối với BMP lên **115.900 đồng/cổ phiếu**, khi chuyển cơ sở định giá đến giữa năm 2025, tương ứng tiềm năng tăng giá là 2% (tổng mức sinh lời là 12%, bao gồm tỷ suất cổ tức 10%). Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu BMP.

**Quan điểm ngắn hạn:** Trong môi trường lãi suất thấp, chúng tôi kỳ vọng tỷ suất cổ tức bằng tiền mặt cao (10%) sẽ hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong ngắn hạn. Trong Q2/2024, chúng tôi ước tính kết quả kinh doanh sẽ phục hồi so với quý trước (nhưng vẫn thấp hơn so với cùng kỳ) khi BMP ưu tiên lợi nhuận hơn là doanh thu.

### Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

## PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	327	821	987	1.187
+ Đầu tư ngắn hạn	997	1.190	1.190	1.190
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	279	174	175	184
+ Hàng tồn kho	571	364	380	396
+ Tài sản ngắn hạn khác	36	44	45	47
<b>Tổng tài sản ngắn hạn</b>	<b>2.209</b>	<b>2.594</b>	<b>2.777</b>	<b>3.004</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	20	20	20	21
+ GTCL Tài sản cố định	368	286	120	88
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	25	12	12	12
+ Đầu tư dài hạn	68	64	62	62
+ Tài sản dài hạn khác	350	279	290	302
<b>Tổng tài sản dài hạn</b>	<b>831</b>	<b>661</b>	<b>504</b>	<b>486</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.040</b>	<b>3.255</b>	<b>3.281</b>	<b>3.490</b>
+ Nợ ngắn hạn	396	546	576	600
<i>Trong đó: vay ngắn hạn</i>	<i>55</i>	<i>55</i>	<i>64</i>	<i>66</i>
+ Nợ dài hạn	20	19	0	0
<i>Trong đó: vay dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>416</b>	<b>565</b>	<b>576</b>	<b>600</b>
+ Vốn góp	819	819	819	819
+ Thặng dư vốn cổ phần	2	2	2	2
+ Lợi nhuận chưa phân phối	601	667	682	867
+ Quỹ khác	1.202	1.202	1.202	1.202
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.623</b>	<b>2.690</b>	<b>2.705</b>	<b>2.890</b>
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>3.040</b>	<b>3.255</b>	<b>3.281</b>	<b>3.490</b>
<b>Lưu chuyển tiền tệ</b>				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	889	1.623	1.105	1.066
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-266	-194	-48	-50
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-469	-966	-892	-816
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>154</b>	<b>463</b>	<b>165</b>	<b>200</b>
Tiền đầu kỳ	173	359	821	987
<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>327</b>	<b>821</b>	<b>987</b>	<b>1.187</b>
<b>Các hệ số khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán hiện hành	5,57	4,75	4,82	5,01
Hệ số thanh toán nhanh	4,04	4	4,08	4,27
Hệ số thanh toán tiền mặt	3,34	3,68	3,78	3,96
Nợ ròng / EBITDA	-0,19	-0,35	-0,62	-0,77
Khả năng thanh toán lãi vay	31.639,01	33.798,72	25.738,94	27.100,41
Ngày phải thu	16,1	14,4	9,4	9,2
Ngày phải trả	12,4	14,4	18,1	18,2
Ngày tồn kho	51,7	56,1	42,8	42,9
<b>Cơ cấu vốn</b>				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,86	0,83	0,82	0,83
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,14	0,17	0,18	0,17
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,16	0,21	0,21	0,21
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,02	0,02	0,02
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,02	0,02	0,02

Nguồn: BMP, SSI ước tính

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>				
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>5.808</b>	<b>5.157</b>	<b>5.188</b>	<b>5.448</b>
Giá vốn hàng bán	-4.201	-3.041	-3.175	-3.307
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.608</b>	<b>2.116</b>	<b>2.013</b>	<b>2.141</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	55	119	121	152
Chi phí tài chính	-158	-146	-156	-163
Thu nhập từ các công ty liên kết	-4	-2	-2	-2
Chi phí bán hàng	-503	-676	-726	-763
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-129	-107	-109	-114
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>869</b>	<b>1.304</b>	<b>1.141</b>	<b>1.251</b>
Thu nhập khác	3	3	4	4
Lợi nhuận trước thuế	873	1.307	1.144	1.255
<b>Lợi nhuận ròng</b>	<b>696</b>	<b>1.041</b>	<b>915</b>	<b>1.004</b>
<b>Lợi nhuận chia cho cổ đông</b>	<b>696</b>	<b>1.041</b>	<b>915</b>	<b>1.004</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
EPS cơ bản (VND)	8.505	12.717	11.182	12.261
Giá trị sổ sách (VND)	32.046	32.857	33.039	35.300
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	5.700	11.800	11.400	11.400
EBIT	873	1.307	1.144	1.255
EBITDA	1.043	1.480	1.360	1.336
<b>Tăng trưởng</b>				
Doanh thu	27,6%	-11,2%	0,6%	5,0%
EBITDA	127,1%	41,9%	-8,1%	-1,8%
EBIT	225,3%	49,8%	-12,5%	9,6%
Lợi nhuận ròng	224,8%	49,5%	-12,1%	9,6%
Vốn chủ sở hữu	14,4%	2,5%	0,6%	6,8%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	7,1%	7,1%	0,8%	6,4%
<b>Định giá</b>				
PE	7,1	8,2	10,4	9,5
PB	1,9	3,2	3,5	3,3
Giá/Doanh thu	0,8	1,7	1,8	1,7
Tỷ suất cổ tức	9,5%	11,3%	9,8%	9,8%
EV/EBITDA	3,5	4,4	4,1	4,2
EV/Doanh thu	0,6	1,3	1,1	1
<b>Các hệ số khả năng sinh lời</b>				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	27,7%	41,0%	38,8%	39,3%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	15,0%	25,3%	19,7%	20,2%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	12,0%	20,2%	17,6%	18,4%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	8,7%	13,1%	14,0%	14,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	2,2%	2,1%	2,1%	2,1%
ROE	28,3%	39,2%	33,9%	35,9%
ROA	23,7%	33,1%	28,0%	29,6%
ROIC	27,7%	38,4%	33,2%	35,1%

## CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

## KHUYẾN NGHỊ

**Mua:** Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Khả quan:** Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Trung lập:** Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Kém khả quan:** Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Bán:** Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

#### Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

#### Ví mô

#### Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

#### Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Ví mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

### Phân tích Định lượng

#### Lê Huyền Trang

Chuyên viên cao cấp Phân tích dữ liệu

tranglh1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

#### Nguyễn Bùi Minh Châu

Chuyên viên Phân tích dữ liệu

chaunbm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8706

### Phân tích Ngành Nhựa

#### Hoàng Anh Tuấn

Chuyên viên Phân tích Cổ phiếu

tuanha2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3089

#### Dữ liệu

#### Lương Thị Việt

Chuyên viên cao cấp hỗ trợ

vietlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8714

#### Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

#### Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

### Chiến lược thị trường

#### Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

#### Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

#### Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

#### Trần Thị Bảo Châu

Chuyên viên Chiến lược đầu tư

chauttb@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043